

THÍCH NGHI THANG ĐO HÀNH VI CHỐNG ĐỐI/XÂM KÍCH TRONG THANG ĐO TỔNG QUÁT HÀNH VI CONNER - BẢN TỰ KHAI CỦA TRẺ (CONNER CBRS-SR)

PGS.TS. Phan Thị Mai Hương

Giám đốc Trung tâm Tâm lý học thực nghiệm, Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Nghiên cứu đánh giá độ tin cậy và độ hiệu lực trên mẫu học sinh từ lớp 4 đến 12 (trừ lớp 6) với 535 em. Bằng hai phương pháp tính độ tin cậy (Cronback Alpha và Phân tích tương quan của các item thành phần với thang đo) kết quả cho thấy, nhìn chung, thang đo có độ tin cậy cao khi sử dụng ở tất cả các nhóm tuổi. Tuy nhiên, độ tin cậy không đồng đều nếu xét riêng theo giới tính của từng nhóm tuổi. Phân tích yếu tố cho thấy, thang đo có độ hiệu lực tương đối cao. Quá trình thích nghi đã chỉ ra một số item cần xem xét lại.

1. Mở đầu

Thang đo tổng quát hành vi Conners (Conners Comprehensive Behavior Rating Scales) - Conner CBRS - là một trong những công cụ hữu hiệu trong lĩnh vực đánh giá hành vi của trẻ và được ứng dụng tương đối rộng rãi tại nhiều nước trên thế giới. Đây là công cụ cung cấp một cái nhìn toàn diện về những rối nhiễu hành vi của trẻ em và vị thành niên. Conner CBRS bao gồm trong đó nhiều thang đo khác nhau bao quát một phổ rộng của hành vi, của cảm xúc cũng như các vấn đề học tập của giới trẻ hôm nay. Đây là một trong những công cụ chẩn đoán và đánh giá tâm lý khá hữu ích trong tham vấn tại trường học.

Thang đo hành vi chống đối/xâm kích là một trong những thang đo trong nội dung thang đo hành vi tổng quát của Conner. Thang đo này đề cập đến những hành vi mang tính chống đối hoặc xâm kích, dùng để đo những rối nhiễu hành vi dạng này.

Việc sử dụng công cụ này ở Việt Nam đòi hỏi phải thích nghi trên ngôn ngữ Việt với mẫu người Việt. Vì thế, đề tài này được lựa chọn thực hiện để đáp ứng nhu cầu đánh giá ngày càng tăng hiện nay trong bối cảnh giáo dục và tâm lý học đường.

Nhìn chung, việc chuyển dịch và thích nghi thang đo tổng quát hành vi CBRS Conner, thang hành vi chống đối/xâm kích nói riêng, được thực hiện nhằm xây dựng bộ công cụ sàng lọc ban đầu dùng trong tham vấn học đường và giảng dạy tâm lý học trường học.

Bài viết này sẽ đề cập đến một phần kết quả trong quá trình chuyển dịch và thích nghi thang đo, đó là tìm hiểu về độ tin cậy của thang đo.

2. Phương pháp

Thích nghi thang đo được tiến hành theo một qui trình như sau:

Thang đo được chuyển dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt bởi nhóm chuyên gia về ngôn ngữ (làm nhiệm vụ dịch thuật) và chuyên gia về tâm lý học (làm nhiệm vụ chuyển ngữ tương đương).

- Thang đo được đo 2 lần cho cùng một nhóm nghiệm thể thành thạo tiếng Anh, lần 1 đo bằng bản tiếng Anh, lần 2 bằng bản tiếng Việt, hai lần cách nhau 1 tuần để tìm hiểu độ hiệu lực về nội dung khi chuyển dịch ngôn ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

- Tìm hiểu độ tin cậy và độ hiệu lực của thang đo trên mẫu nghiệm thể học sinh.

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn trong giai đoạn tìm hiểu độ tin cậy của thang đo dành cho trẻ là học sinh từ lớp 4 đến lớp 12 (trừ lớp 6) ở các trường phổ thông. Mẫu chọn có chú ý sự phân bố theo giới và tuổi vì đây là 2 yếu tố quan trọng có tác động đến kết quả thang đo theo như thiết kế của thang đo này. Tổng mẫu học sinh là 535 người.

3. Một số khái niệm

Thích nghi thang đo

Thích nghi thang đo hoặc trắc nghiệm là quá trình chuyển ngữ tương đương từ ngôn ngữ gốc sang tiếng Việt sao cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của đối tượng làm trắc nghiệm mà không làm biến đổi mục tiêu, nội dung đo lường của thang đo hoặc trắc nghiệm, không làm ảnh hưởng đáng kể đến đặc tính của thang đo, của trắc nghiệm. Quá trình này khác với dịch thuật ở chỗ không chỉ dịch thuật ngôn ngữ một cách đơn thuần mà là sự xem xét lại những đặc điểm của thang đo trên một nhóm mẫu mới cho phù hợp với những đặc thù về văn hóa, chủng tộc, ngôn ngữ... của họ.

Độ tin cậy

Thang đo hay trắc nghiệm được xây dựng dùng để đo một hoặc vài thuộc tính nào đó của con người trong những điều kiện đo lường nhất định. Độ tin cậy của thang đo chỉ sự ổn định của thang đo theo thời gian và theo tình huống. Hay nói cách khác, thang đo có độ tin cậy cao là thang đo cho kết quả đo lường ổn định đối với một người/nhóm người dù thang đo đó được đo trong nhiều thời điểm khác nhau, nhiều tình huống khác nhau phù hợp với điều kiện mà thang đo được xây dựng.

Có một số phương pháp tính độ tin cậy của thang đo như sau:

Độ tin cậy Cronback Alpha: Đây là độ tin cậy đánh giá sự ổn định bên trong của test. Hệ số tương quan Alpha do Cronback lập ra nên nó được mang tên: "Hệ số Alpha của Cronback" Nó được tính toán dựa trên tương quan của từng item với tổng của các item còn lại của test. Đây là hệ số tin cậy được sử dụng tương đối phổ biến vì nó phản ánh bản chất của độ tin cậy. Với hệ số tin cậy Alpha, không có một chuẩn nhất định nào để từ đó xác định thang đo đủ độ tin cậy hay không bởi hệ số này ngoài phản ánh sự ổn định của thang đo, nó còn phụ thuộc vào số lượng item có trong thang đo. Thang đo càng có nhiều item thì Alpha càng cao và ngược lại, càng có ít item thì Alpha càng thấp. Thang đo được sử dụng trong test là thang khoảng hoặc thang tỷ lệ.

Độ tin cậy item total: Độ tin cậy item total cũng phản ánh sự ổn định bên trong test. Phương pháp này được xây dựng dựa trên nguyên lý: Bởi test được thiết kế để đo một đặc tính nào đó nên mọi item của nó cũng phải đo cùng đặc tính đó. Nó được tính toán dựa trên tương quan của từng item với toàn bộ thang đo. Khi các item của test đều có tương quan mạnh với toàn bộ thang đo, điều đó có nghĩa là thang đo có độ ổn định cao hay độ tin cậy cao. Khi thang đo có nhiều item tương quan yếu với toàn bộ thang đo, điều đó có nghĩa là thang đo có độ ổn định thấp và độ tin cậy thấp. Tất cả các item có hệ số tương quan với toàn bộ thang đo nhỏ hơn 0,3 đều cần được xem xét lại bởi chúng thiếu ổn định và làm giảm độ tin cậy của thang đo. Thang đo được sử dụng trong test là

thang khoảng hoặc thang tỷ lệ (nếu tính hệ số tương quan Pearson) hoặc thang thứ bậc (nếu tính hệ số tương quan Spearman).

Độ tin cậy test retest: Đây là độ tin cậy được tính toán bằng cách so sánh kết quả của điểm trắc nghiệm trên cùng một đối tượng đo trong hai lần khác nhau về thời gian. Tương quan điểm số của hai lần đo này chính là độ tin cậy test - retest của thang đo. Thang đo được sử dụng trong test là thang khoảng hoặc thang tỷ lệ.

Độ tin cậy phân đôi: Đây là độ tin cậy được tính toán bằng so sánh kết quả của hai nửa test. Hệ số tương quan của kết quả thực hiện trên hai nửa test được gọi là độ tin cậy phân đôi. Về mặt lý thuyết, một test có độ tin cậy cao thì các item của test đều có quan hệ chặt chẽ với nhau, vì thế việc phân đôi số item của test phải tạo nên 2 phiên bản tương đương nhau và chúng phải có tương quan với nhau. Phương pháp này thích hợp với thang đo định danh có 2 lựa chọn dạng: "Đúng sai" hoặc "Có không"

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tính độ tin cậy Alpha của Cronback và độ tin cậy qua phân tích item total.

Độ hiệu lực

Độ hiệu lực của thang đo hay trắc nghiệm là khái niệm để chỉ mức độ chính xác mà cái nó được thiết kế để đo. Theo Sundberg N.D. (1977), độ hiệu lực là đặc tính của thang đo, làm cho kết quả của thang đo hữu ích. Có một số dạng hiệu lực khác nhau. Đó là độ hiệu lực nội dung (content validity), độ hiệu lực cấu trúc (construct validity), độ hiệu lực tiêu chuẩn (criterion validity) và độ hiệu lực dự báo (predictive validity). Các dạng độ hiệu lực thể hiện những cách tiếp cận khác nhau đến việc hiểu đúng đắn kết quả về mặt điểm số của trắc nghiệm cũng như ý nghĩa của những điểm số này để hiệu lực hóa kết luận và suy đoán về kết quả này.

Độ hiệu lực nội dung trả lời câu hỏi: "Nội dung của test này có phù hợp để đo đặc tính cụ thể mà test được thiết kế hay không?" Hay nói khác đi, từng item của test có nội dung phù hợp với cái cần đo không, có liên quan đến một thành phần cụ thể của cái cần đo hay không?

Độ hiệu lực cấu trúc thể hiện mối liên hệ với thuật ngữ mang tính lý thuyết mà trắc nghiệm mong muốn đo, hay nói cách khác, test có đưa ra được cấu trúc phù hợp với đặc điểm (đã được xác định trên lý thuyết) mà test định đo hay không. Để xác định test có đo những đặc điểm này hay không, chúng ta phải hiểu lý thuyết mà dựa vào đó cấu trúc của đặc điểm đó được đưa ra.

Độ hiệu lực tiêu chuẩn đề cập đến mối liên quan của kết quả test với tiêu chuẩn thực tế bên ngoài chính test đó. Nếu test và tiêu chuẩn đo lường là cùng thời gian thì sử dụng thuật ngữ độ hiệu lực đồng thời. Ví dụ, điểm đạt được trong thang rối loạn hành vi của một người có tương quan chặt chẽ với báo cáo về những biểu hiện của người đó về những rối loạn hành vi trên thực tế. Trong trường hợp, kết quả test liên quan đến những tiêu chuẩn đo lường có thể có được sau đó, thì sử dụng thuật ngữ độ hiệu lực dự báo. Ví dụ, điểm của test năng lực lãnh đạo của một người có thể dự báo sau này người đó có năng lực lãnh đạo hay không.

Độ tin cậy và độ hiệu lực là hai đặc tính quan trọng cần xác định khi một thang đo mới được sử dụng trong công tác đo lường.

4. Kết quả nghiên cứu

Thang đánh giá hành vi tổng quát Conners gồm 3 phiên bản dành cho 3 đối tượng khác nhau: Bản dành cho cha mẹ, cho giáo viên và bản tự khai dành cho trẻ. Ba phiên bản đều có cùng nội dung đánh giá là hành vi của trẻ nhưng không giống nhau hoàn toàn về số thang đo cũng như số các item trong mỗi thang.

Bản tự đánh giá thang đánh giá hành vi tổng quát Conners dành cho trẻ từ 8 đến 18 tuổi có 179 item. Nó gồm các thang đo nội dung của Conner (7 thang), các thang đo triệu chứng theo DSM-IV-TR (10 thang), các thang đo lâm sàng và nguy cơ (4 thang) và các thang đo độ hiệu lực (4 thang) cùng 2 câu hỏi bổ sung.

Thang hành vi chống đối/xâm kích nằm trong số các thang đo nội dung của Conner.

Độ tin cậy Alpha Cronback

Do hệ số Alpha đo độ tin cậy của thang đo, phản ánh độ ổn định của thang đo theo thời gian và hoàn cảnh, nhưng độ lớn của Alpha chính xác còn phụ thuộc vào số lượng item của thang đo. Theo Conner, với mục đích của Conner CBRS thì hệ số Alpha của các thang đo bằng hoặc lớn hơn 0,70 về tổng quát thì được coi là có độ tin cậy cao. Với các tiểu thang đo, do số lượng các item của chúng nhỏ hơn nên có độ tin cậy thấp hơn và có thể chấp nhận ở mức Alpha $\geq 0,60$.

Thang hành vi chống đối/xâm kích có hệ số tin cậy Alpha Cronback chung ở các nhóm tuổi dao động từ thấp nhất = 0,82 (nhóm 15 tuổi) và cao nhất = 0,87 (nhóm 10 và 17 tuổi). Tính chung toàn bộ thang thì hệ số này là 0,86.

Nó cho thấy, nhìn chung, thang đo này có độ tin cậy cao. Nó phản ánh sự ổn định bên trong của thang đo.

Theo thiết kế của thang đo, điểm số của thang sẽ được phân biệt theo lứa tuổi và giới tính, nên trong phần phân tích dưới đây sẽ đề cập đến hệ số tin cậy của thang đo theo các tiêu chí này.

Hệ số tin cậy của thang đo ở từng nhóm tuổi và giới tính tương ứng được trình bày ở bảng 1.

Số liệu cho thấy, hệ số Alpha không thống nhất như nhau ở nam và nữ trong từng nhóm tuổi. Thang đo cho nhóm nam các lứa tuổi, hệ số tin cậy rất cao, đặc biệt là nhóm nam 15 và 16 tuổi, hệ số tin cậy $\geq 0,90$. Ngoài nhóm nam 17 tuổi có Alpha = 0,85, các nhóm tuổi khác đều có Alpha = 0,87. Tuy nhiên, với nhóm nữ thì hệ số tin cậy thấp hơn, thấp nhất là nhóm 15 tuổi, Alpha = 0,73 và cao nhất là nhóm 17 tuổi = 0,89 tương ứng.

*Bảng 1: Hệ số Alpha Cronback của thang hành vi chống đối/xâm kích:
Bản tự khai dành cho con*

Tuổi	Tổng	Nam	Nữ
10 tuổi	0,87	0,87	0,79
11 tuổi	0,86	0,87	0,77
13 tuổi	0,86	0,87	0,87
14 tuổi	0,86	0,87	0,85
15 tuổi	0,82	0,90	0,73
16 tuổi	0,85	0,91	0,78
17 tuổi	0,87	0,85	0,89

Dưới đây sẽ phân tích các item của thang đo ở các nhóm có độ tin cậy thấp hơn các nhóm khác. Cụ thể, đó là các nhóm nữ 10, 11, 15 và 16 tuổi. Vai trò của từng item sẽ được đánh giá qua hệ số tin cậy của thang đo khi nó bị loại bỏ. Hệ số tin cậy của thang, sau khi item bị loại bỏ, lớn hơn hệ số đó khi có mặt item trong thang đo cho thấy, đây là item cần phải xem xét bởi sự có mặt của nó làm độ tin cậy của thang đo bị giảm đi và ngược lại, nếu hệ số tin cậy này nhỏ hơn hệ số ban đầu thì đó là item quan trọng đối với thang đo.

Bảng 2: Hệ số tin cậy của thang đo khi item bị loại bỏ

	10 tuổi (Alpha = 0,79)	11 tuổi (Alpha = 0,77)	15 tuổi Alpha = 0,73	16 tuổi (Alpha = 0,78)
1. Mọi người nói tôi có tính hung hăng	0,777	0,745	0,718	0,770
2. Tôi hay dọa dẫm, bắt nạt mọi người	0,794	0,755	0,727	0,757
3. Khi tức giận ai, tôi sẵn sàng "an thua" với người đó	0,782	0,788	0,704	0,804
4. Tôi biết chỗ kiếm cho mình mọi khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết	0,792	0,765	0,730	0,753
5. Tôi thích hăm dọa người khác	0,778	0,765	0,730	0,769
6. Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng	0,789	0,764	0,730	0,772
7. Tôi phá hại đồ của người khác	0,773	0,755	0,706	0,751
8. Tôi thường mang theo một thứ vũ khí nào đó (ví dụ: gậy, đá, mảnh kính vỡ, dao hoặc súng)	0,789	0,769	0,730	0,769
9. Tôi thích đốt cháy các thứ	0,791	0,770	0,730	0,768
10. Tôi bỏ nhà đi	0,788	0,769	0,730	0,780
11. Tôi hay trốn học	0,782	0,768	0,730	0,775
12. Tôi thường làm những trò nguy hiểm	0,791	0,756	0,730	0,769
13. Khi tức giận, tôi hay quăng ném hoặc đập phá đồ vật	0,783	0,729	0,739	0,748
14. Tôi từng lập kế hoạch "hại người"	0,776	0,769	0,715	0,772
15. Tôi chủ động gây sự và đánh nhau với người khác	0,795	0,769	0,730	0,772
16. Tôi thường đổ lỗi người khác cho những việc sai trái mình làm	0,774	0,747	0,698	0,777
17. Tôi thấy thú vị khi biến người khác thành trò cười	0,786	0,787	0,732	0,772
18. Tôi khó kiểm soát những cử động cơ giạt cơ của mình (ví dụ: nháy mắt, ngật đầu)	0,775	0,758	0,701	0,768
19. Tôi thường tàn nhẫn đối với các con vật	0,790	0,769	0,714	0,759
20. Miễn có được thứ mình cần, tôi không quan tâm liệu mình có xúc phạm hoặc làm đau người khác	0,779	0,768	0,711	0,783

21. Khi tức giận ai đó, tôi thường lao vào đánh họ	0,781	0,771	0,770	0,770
22. Tôi hay cố tình chọc giận người khác	0,770	0,763	0,704	0,752
23. Tôi cảm thấy mình được bảo vệ, che chở nhiều hơn khi tham gia một băng nhóm đường phố nào đó	0,790	0,773	0,752	0,765
24. Tôi làm những thứ nhằm khiến người khác phải đau đớn	0,784	0,764	0,694	0,781
25. Tôi thích "ngồi lê, buôn chuyện"	0,796	0,770	0,688	0,770
26. Mọi người thường làm tôi tức giận đến độ mất tự chủ	0,787	0,750	0,710	0,748
27. Ngay cả những buổi tối không được phép, tôi vẫn thường đi chơi	0,785	0,758	0,749	0,783
28. Tôi hay nhạo tên, thoá mạ người khác	0,782	0,738	0,729	0,770
29. Tôi làm những việc mình thích mà không cần quan tâm đến hậu quả có thể xảy ra sau đó	0,798	0,740	0,691	0,787
30. Tôi dùng vũ khí (ví dụ: gậy, đá, mảnh kính vỡ, dao hoặc súng) để đe dọa, hoặc đánh người	0,786	0,769	0,732	0,761
31. Tôi thường tìm cách "ăn thua", trả đũa người khác	0,776	0,740	0,715	0,759

Phân tích các item cho thấy, item số 3 "*Khi tức giận ai, tôi thường "ăn thua" với người đó*" và item số 29 "*Tôi làm những việc mình thích mà không cần quan tâm đến hậu quả có thể xảy ra sau đó*", là những item ảnh hưởng không tốt đến hệ số tin cậy của thang đo cho 2 nhóm tuổi. Còn các item *Tôi hay dọa dẫm, bắt nạt mọi người; Tôi bỏ nhà đi; Khi tức giận, tôi hay quăng ném hoặc đập phá đồ vật; Tôi thấy thú vị khi biến người khác thành trò cười; Miễn có được thứ mình cần, tôi không quan tâm liệu mình có xúc phạm hoặc làm đau người khác; Khi tức giận ai đó, tôi thường lao vào đánh họ; Tôi làm những thứ nhằm khiến người khác phải đau đớn; Tôi thích "ngồi lê, buôn chuyện"; Ngay cả những buổi tối không được phép, tôi vẫn thường đi chơi; Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết; Tôi thích đốt cháy các thứ có ảnh hưởng tương tự với 1 nhóm tuổi*. Điều này đã chỉ ra rằng, cùng một thang đo nhưng sử dụng với các nhóm tuổi khác nhau vẫn có thể có mức độ ổn định khác nhau, đặc biệt với nhóm nữ.

Xét ví dụ cụ thể với nhóm nữ 10 tuổi, các item *Tôi hay dọa dẫm, bắt nạt mọi người; Tôi thích "ngồi lê, buôn chuyện"* và *Tôi làm những việc mình thích*

mà không cần quan tâm đến hậu quả có thể xảy ra sau đó đã chỉ ra mức không ổn định của nó trong thang đo, tương quan không đồng nhất với các item khác trong thang đo. Trong khi đó, tình trạng này không xảy ra với nhóm nam cùng tuổi. Đây là những biểu hiện cần xem xét với nhóm nữ tuổi nhỏ khi đánh giá hành vi chống đối hoặc mang tính xâm kích ở chúng.

Phân tích tương quan của các item thành phần với thang đo (Item-Total analyse)

Tương quan của các item thành phần với thang đo phản ánh độ ổn định bên trong hay tính đồng nhất của các item trong thang đo. Theo Cronk B.C⁽¹⁾, item nào có hệ số tương quan bang hoặc lớn hơn 0,30 với toàn thang đo được coi là đồng nhất với thang đo và thang có các item với hệ số như trên được coi là thang đo có độ tin cậy chấp nhận được.

Các item trong thang hành vi chống đối/xâm kích, nhìn chung, có độ ổn định khá lớn, thể hiện sự đồng nhất giữa các item trong thang đo. Tuy nhiên, khi xem xét cụ thể ở từng nhóm tuổi, xuất hiện một số item có hệ số tương quan với thang đo < 0,30, tức là có tương quan yếu với thang đo, thể hiện sự không đồng nhất. Các item đó được hiển thị ở bảng sau đây.

Bảng 3: Các item có hệ số tương quan yếu với thang đo ($r < 0,30$)

Nhóm tuổi	Các item có hệ số tương quan với thang đo < 0,30
10 tuổi	3. Khi tức giận ai, tôi sẵn sàng "ăn thua" với người đó 4. Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết
11 tuổi	4. Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết *6. Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng 11. Tôi hay trốn học
13 tuổi	*6. Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng 8. Tôi thường mang theo một thứ vũ khí nào đó (ví dụ: gậy, đá, mảnh kính vỡ, dao hoặc súng) *9. Tôi thích đốt cháy các thứ 11. Tôi hay trốn học 30. Tôi dùng vũ khí (ví dụ: gậy, đá, mảnh kính vỡ, dao hoặc súng) để đe dọa, hoặc đánh người

14 tuổi	<p>*4. Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết</p> <p>*6. Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng</p> <p>7. Tôi phá hại đồ của người khác</p> <p>10. Tôi bỏ nhà đi</p> <p>11. Tôi hay trốn học</p>
15 tuổi	<p>*4. Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết</p> <p>*6. Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng</p> <p>*9. Tôi thích đốt cháy các thứ</p> <p>*10. Tôi bỏ nhà đi</p> <p>*12. Tôi thường làm những trò nguy hiểm</p> <p>*27. Ngay cả những buổi tối không được phép, tôi vẫn thường đi chơi</p> <p>*23. Tôi cảm thấy mình được bảo vệ, che chở nhiều hơn khi tham gia một băng nhóm đường phố nào đó</p>
16 tuổi	<p>*3. Khi tức giận ai, tôi sẵn sàng "ăn thua" với người đó</p> <p>*28. Tôi hay nhạo tên, thoá mạ người khác</p> <p>*29. Tôi làm những việc mình thích mà không cần quan tâm đến hậu quả có thể xảy ra sau đó</p>
17 tuổi	15. Tôi chủ động gây sự và đánh nhau với người khác

Ghi chú: * là những item có hệ số tương quan rất yếu ($r < 0,20$)

Kết quả hiển thị trên bảng cho thấy, có một số item có tương quan yếu với thang đo xuất hiện ở nhiều nhóm tuổi. Đó là các item: *Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết; Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng; Tôi thích đốt cháy các thứ; Khi tức giận ai, tôi sẵn sàng "ăn thua" với người đó.* Đây cũng là những item có tương quan rất yếu với thang đo ($r < 0,20$), thậm chí item số 4 và số 6 có hệ số tương quan $< 0,10$ với toàn thang đo. Có thể thấy, một số item không tốt được chỉ ra ở phương pháp này cũng đồng nhất với ở phương pháp trên đã trình bày.

Đồng thời, ở mỗi nhóm tuổi cũng xuất một số item không đồng nhất với các item khác trong thang đo hành vi chống đối/xâm kích như trên bảng đã hiển thị.

Kết quả ở nhóm 15 và 16 tuổi cũng chỉ ra rằng, ở đây có mặt nhiều item có tương quan rất yếu với thang đo, đặc biệt ở nhóm nữ. Đây cũng là hai nhóm có số lượng mẫu ít nhất so với các nhóm còn lại (38 và 32 tương ứng).

Như vậy, tổng hợp dữ liệu phân tích độ tin cậy từ hai phương pháp Alpha Cronback và phân tích item - Total cho thấy rằng, mặc dù thang đo có độ tin cậy cao, nhưng trong đó vẫn phát hiện có những item chưa đồng nhất với các item khác trong thang đo. Đặc biệt là các item *Khi tức giận ai, tôi sẵn sàng "ăn thua" với người đó; Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết; Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng và Tôi thích đốt cháy các thứ*. Đây là những item rất cần chú ý trong công tác chuẩn hóa tiếp theo ở các phương diện sau đây: Đó có phải là những biểu hiện đặc trưng cho hành vi chống đối/xâm kích ở thanh thiếu niên Việt Nam? Liệu có những biểu hiện về hành vi chống đối/xâm kích mang đặc thù giới tính cho trẻ ở Việt nam? Số lượng mẫu của mỗi nhóm tuổi cũng là vấn đề cần được lưu ý hơn để đảm bảo điều kiện về mẫu chọn.

Độ hiệu lực của thang đo

Đánh giá độ hiệu lực của thang đo, phép phân tích yếu tố thường được sử dụng để xác định tính đồng nhất của các item trong cùng một miền đo cũng như xác định cấu trúc của thang đo. Một thang đo có hiệu lực là thang đo mà các item của nó có tính đồng nhất (hệ số chứa trong yếu tố hay tương quan với yếu tố $\geq 0,30$). Đây là phương pháp phổ biến nhất nên đôi khi được gọi là "độ hiệu lực yếu tố"

Bảng 4: Hệ số tương quan với yếu tố của từng item

Các item	Hệ số tương quan với yếu tố
22. Tôi hay cố tình chọc giận người khác	0,636
31. Tôi thường tìm cách "ăn thua", trả đũa người khác	0,570
14. Tôi từng lập kế hoạch "hại người"	0,558
17. Tôi thấy thú vị khi biến người khác thành trò cười	0,544
28. Tôi hay nhạo tên, thoá mạ người khác	0,536
2. Tôi hay dọa dẫm, bắt nạt mọi người	0,536
29. Tôi làm những việc mình thích mà không cần quan tâm đến hậu quả có thể xảy ra sau đó	0,523
12. Tôi thường làm những trò nguy hiểm	0,523

13. Khi tức giận, tôi hay quăng ném hoặc đập phá đồ vật	0,513
5. Tôi thích hăm dọa người khác	0,513
18. Tôi khó kiểm soát những cử động co giật cơ của mình (ví dụ: nháy mắt, ngạt đầu)	0,510
16. Tôi thường đổ lỗi người khác cho những việc sai trái mình làm	0,487
30. Tôi dùng vũ khí (ví dụ: gậy, đá, mảnh kính vỡ, dao hoặc súng) để đe dọa hoặc đánh người	0,475
26. Mọi người thường làm tôi tức giận đến độ mất tự chủ	0,464
7. Tôi phá hại đồ của người khác	0,463
20. Miễn có được thứ mình cần, tôi không quan tâm liệu mình có xúc phạm hoặc làm đau người khác	0,450
19. Tôi thường tàn nhẫn đối với các con vật	0,441
1. Mọi người nói tôi có tính hung hăng	0,440
25. Tôi thích "ngồi lê, buồn chuyện"	0,435
8. Tôi thường mang theo một thứ vũ khí nào đó (ví dụ: gậy, đá, mảnh kính vỡ, dao hoặc súng)	0,420
9. Tôi thích đốt cháy các thứ	0,413
24. Tôi làm những thứ nhằm khiến người khác phải đau đớn	0,413
21. Khi tức giận ai đó, tôi thường lao vào đánh họ	0,410
27. Ngay cả những buổi tối không được phép, tôi vẫn thường đi chơi	0,405
11. Tôi hay trốn học	0,397
15. Tôi chủ động gây sự và đánh nhau với người khác	0,388
23. Tôi cảm thấy mình được bảo vệ, che chở nhiều hơn khi tham gia một băng nhóm đường phố nào đó	0,380
10. Tôi bỏ nhà đi	0,379
4. Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết	0,361
3. Khi tức giận ai, tôi sẵn sàng "ăn thua" với người đó	0,317
6. Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng	0,310

Phân tích độ hiệu lực của thang đo hành vi chống đối/xâm kích cũng dựa trên phương pháp này. Phép phân tích yếu tố thang đo này cho thấy, có một

yếu tố chính được chiết xuất với giá trị riêng (eigenvalues) = 6,68, giải thích khoảng 32% phương sai của thang đo. Hệ số chứa của các item trong yếu tố này được hiển thị ở bảng 4.

Kết quả cho thấy, các item của thang đo đều có hệ số tương quan tương đối mạnh với yếu tố (r dao động từ 0,31 đến 0,64). Điều này đã chỉ ra rằng, thang đo có độ hiệu lực cấu trúc đảm bảo, các item đều đồng nhất với miền đo của thang là các hành vi chống đối hoặc xâm kích, thống nhất về mặt cấu trúc của thang đo.

Mặc khác, kết quả cũng chỉ ra các item có hệ số tương quan thấp nhất với yếu tố là: "*Tôi biết chỗ kiếm cho mình một khẩu súng hoặc một thứ vũ khí nào đó nếu cần thiết*" "*Khi tức giận ai, tôi sẵn sàng "ăn thua" với người đó*", "*Tôi lấy trộm những thứ quan trọng khi không có người để mắt đến chúng*". Đó cũng là những item có ảnh hưởng không tốt đến độ tin cậy của thang đo.

Như vậy, kết quả phép phân tích yếu tố các item của thang đo cho phép đi đến kết luận rằng, thang đo có độ hiệu lực tương đối mạnh

5. Kết luận

Nghiên cứu độ tin cậy và độ hiệu lực của thang hành vi chống đối/xâm kích trong thang đo hành vi tổng quát CBRIS Conner bằng 2 phương pháp cho thấy kết quả như sau:

Thứ nhất, đánh giá chung, thang đo có độ tin cậy cao khi sử dụng ở tất cả các nhóm tuổi được nghiên cứu.

Thứ hai, thang đo khi sử dụng cho nam và nữ ở các nhóm tuổi khác nhau cho thấy độ tin cậy tuy cao nhưng không đồng đều. Với nhóm nữ, thang đo cho thấy, có độ tin cậy thấp hơn so với nhóm nam, đặc biệt ở nhóm 10, 11, 15 và 16 tuổi.

Thứ ba, phân tích item cho thấy, một số item không đồng nhất với các item khác trong thang đo, làm giảm độ ổn định bên trong của thang đo. Đây là những item cần được xem xét để thiết kế lại cho phù hợp hơn với văn hóa Việt Nam.

Thứ tư, phân tích độ hiệu lực của thang đo cho thấy, thang đo có độ hiệu lực tương đối cao.

Thứ năm, phân tích độ hiệu lực đã chỉ ra một số item "kém nhất" của thang đo khá thống nhất với các item mà phân tích độ tin cậy đã đề xuất. Điều

này cho thấy, đây thực sự là những item cần phải được xem xét lại trong quá trình chuẩn hóa thang đo tiếp theo.

Thích nghi thang đo hành vi chống đối/xâm kích cho thấy, thang đo này có khả năng ứng dụng cao trong công tác sàng lọc và đánh giá cho trẻ ở Việt Nam.

Chú thích

(1) Cronk B.C., *How to use SPSS, step-by-step guide to analyse and interpretation*, Third edition, Pyczak Publishing, 2004.

Tài liệu tham khảo

1. C. Keith Conner, *Conners comprehensive behavior rating scales (Conners CBRS) Manual*, MHS publishing, 2010.
2. Nguyễn Công Khanh, *Tâm lý trị liệu*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000.
3. Đặng Phương Kiệt, *Tiếp cận và đo lường tâm lý*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
4. Cronk B.C., *How to use SPSS, step-by-step guide to analyse and interpretation*, Third edition, Pyczak Publishing, 2004.
5. Sundberg N.D., *Assessment of person*, Prentice Hall New Jersey, 1977.